

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP KHI TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

TS. Tống Xuân Tám

Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 280 An Dương Vương, P.4, Q.5, TP.HCM; Di động: 0982 399 008; E-mail: tongxuantam@yahoo.com, tamtx@hcmup.edu.vn

1. Một số khái niệm¹

1.1. Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

1.2. Học phần

Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

1.3. Học chế tín chỉ

Học chế tín chỉ² là chương trình học mà sinh viên tích lũy dần và hoàn thành chương trình học của mình theo số tín chỉ chứ không phải lên lớp theo từng học kỳ, từng năm học như ở phổ thông. Ở bậc đại học, theo quy định của từng trường nhưng trung bình mỗi sinh viên phải tích lũy khoảng 140 - 150 tín chỉ trong một chương trình đào tạo.

Đặc điểm của học chế tín chỉ là sinh viên được chủ động tự chọn đăng ký môn học theo cấu trúc chương trình đào tạo, kế hoạch học tập và nhu cầu của mình. Từ

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), 16 tr.

² TS. Nguyễn Thanh Nam - Trưởng phòng đào tạo Trường ĐH Bách Khoa (ĐH Quốc gia TP.HCM).

đó, nhà trường sẽ căn cứ vào số lượng đăng kí môn học để mở lớp học cho sinh viên. Hoàn thành chương trình đào tạo nhanh hay chậm là tùy vào khả năng và điều kiện kinh tế của từng sinh viên nhưng không được vượt quá quy định trong Quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học chế tín chỉ³ thực chất là cá nhân hóa quy trình đào tạo, trao quyền chủ động cho sinh viên, tạo cơ hội cho sinh viên tự quyết định về tiến độ và tốc độ tích lũy tín chỉ một cách phù hợp nhất với năng lực và nhu cầu cá nhân. Tất nhiên để làm được điều này, sinh viên phải biết phải nắm vững mọi quy trình, quy định, biết tự thích nghi và có năng lực tự học cao.

2. Những khó khăn và giải pháp khi tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ

Nhìn chung, đại đa số các trường đại học, cao đẳng trong cả nước mới bắt đầu đào tạo theo học chế tín chỉ được vài năm trở lại đây, nên phần lớn những người làm công tác quản lí đào tạo, giảng viên và sinh viên ở các trường còn gặp khá nhiều lúng túng; nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực tế áp dụng, đòi hỏi phải được khắc phục từng bước. Theo tôi, để khắc phục những khó khăn đó, cần phải làm tốt và đồng bộ một số vấn đề sau đây:

2.1. Chuẩn bị tâm thế vững vàng cho tân sinh viên

Ngay từ buổi đầu tiên, sinh viên đến trường làm thủ tục nhập học, các trường nên hướng dẫn và phát cho mỗi sinh viên một cuốn “sổ tay sinh viên”. Trong cuốn sổ tay này có rất nhiều mục mà sinh viên cần phải biết và hiểu rõ để thực hiện tốt trong suốt khóa học. Quan trọng nhất trong cuốn sổ tay bắt buộc phải có đó là toàn văn Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, được cụ thể hóa cho phù hợp với đặc thù của mỗi trường, từ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong cuốn sổ tay cần có thêm số điện thoại nóng để sinh viên được giải đáp thắc mắc kịp thời và địa chỉ website cổng thông tin điện tử của trường liên kết với website của các khoa và các phòng ban chức năng để sinh viên có thể truy cập tìm hiểu thêm các thông tin có liên quan đến đào tạo theo học chế tín chỉ.

Trong tuần sinh hoạt về chính trị đầu năm, phòng đào tạo phối hợp với phòng công tác chính trị và học sinh - sinh viên, các phòng ban chức năng khác, trợ lí giáo vụ và cố vấn học tập của các khoa hướng dẫn thật kĩ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho tân sinh viên; cùng nhau giải đáp ngay và tháo gỡ những khó khăn thắc mắc; hướng dẫn cho các tân sinh viên cách lập kế hoạch học tập trong suốt khóa học và từng học kì theo mẫu có sẵn, biết cách quản lí hồ sơ học tập, cách đăng kí trực tuyến học phần và lớp học, cách truy cập các tài liệu số và tài liệu in trong thư viện,...

Ngay từ đầu năm học, mỗi khoa nên tổ chức một buổi tọa đàm về “Phương pháp học tập theo học chế tín chỉ” dành cho tân sinh viên. Cần phải có hình thức bắt buộc tất cả các tân sinh viên tham dự. Nếu sinh viên nào không tham dự sẽ trừ vào điểm rèn luyện. Thành phần của buổi tọa đàm gồm có đại diện ban chủ nhiệm (phụ trách đào tạo), trợ lí giáo vụ, cố vấn học tập, sinh viên có thành tích xuất sắc về học tập và hoạt động đại diện cho các khóa trước và tất cả các tân sinh viên. Buổi tọa đàm cần nêu bật lên được phương pháp học tập chung ở đại học cho các tân sinh viên, nên dành thời gian để sinh viên xuất sắc của các năm trước chia sẻ về kinh

³ TS. Nguyễn Thanh Nam - Trưởng phòng đào tạo Trường ĐH Bách Khoa (ĐH Quốc gia TP.HCM).

nghiệm học tập, sau cùng là thời gian giao lưu, trao đổi và giải đáp các thắc mắc có liên quan với khách mời.

Cần phải nhấn mạnh cho sinh viên thấy rằng mỗi người có một phương pháp học riêng cho bản thân mình. Phương pháp học phụ thuộc vào năng lực, điều kiện, phương tiện và thời gian của mỗi sinh viên. Phương pháp học có thể phù hợp với sinh viên này nhưng không phù hợp với sinh viên khác. Theo tôi “*Học mà không có phương pháp khoa học cũng giống như đi trong rừng sâu mà không có la bàn*”.

Ngay từ khi bước chân vào giảng đường đại học, mỗi sinh viên cần phải xác định rõ và cố gắng đạt được mục tiêu giáo dục theo quan điểm của Unesco⁴: học để biết (*learning to know*), học để làm (*learning to do*), học để chung sống (*learning to live together*) và học để tự hoàn thiện mình (*learning to be*). Bên cạnh đó, sự bùng nổ về khoa học - kỹ thuật cùng với sự phát triển về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đòi hỏi sinh viên không chỉ có kiến thức vững vàng mà còn cần phải có các kỹ năng sống, kỹ năng mềm để có khả năng thích nghi tốt trong thời đại ngày nay. Do vậy, sinh viên cũng cần phải biết những chuẩn kiến thức và kỹ năng mà xã hội đòi hỏi đối với mỗi con người của thế kỉ 21 để định hướng cho các sinh viên vạch ra kế hoạch học tập, rèn luyện và tu dưỡng trong bốn năm học ở đại học. Vậy đó là những chuẩn kiến thức và kỹ năng nào cần có?

- *Kiến thức (knowledge)*: phải biết đọc thông, viết thạo; đọc nhanh, đọc có hiệu quả, đọc có suy ngẫm, đọc có ghi nhớ, đọc có nhận xét, đánh giá, phê phán; viết đúng chính tả, ngữ pháp, viết đúng văn phong khoa học, viết ngắn gọn, xúc tích; tính toán một cách khoa học trong mọi tình huống.

- *Kỹ năng tư duy (intrapersonal skills)*: phải có kỹ năng tư duy bậc cao (vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo) theo thang phân loại tư duy của B. Bloom; phải biết tư duy sáng tạo, tránh tư duy theo kiểu lối mòn, dập khuôn; phải có kỹ năng phát hiện, giải quyết hợp lý các vấn đề gặp phải trong công việc và cuộc sống hằng ngày; phải biết lập luận một cách chính xác, khoa học và logic; phải biết tự giác học tập suốt đời để hoàn thiện mình.

- *Kỹ năng giao tiếp, cộng tác (interpersonal skills)*: phải biết cộng tác với mọi người trong tập thể, trong nhóm làm việc; phải biết thuyết phục, lãnh đạo và huấn luyện người khác.

- *Kỹ năng công nghệ (computer skills)*: phải biết sử dụng công nghệ để phục vụ công việc và giải quyết sự cố.

2.2. Chuẩn bị cơ sở vật chất và học liệu

Hệ thống mạng internet và tốc độ đường truyền phải đủ mạnh để sinh viên có thể đăng kí học phần và xem điểm thi trực tuyến mà không bị nghẽn mạch.

Các văn bản, biểu mẫu nên đưa lên website của trường để sinh viên biết và thực hiện được thuận lợi.

Chương trình khung và chương trình chi tiết của mỗi ngành đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt phải được đưa lên website của mỗi khoa để sinh viên có thể biết được ngành đào tạo, mục tiêu đào tạo, thời gian, khối lượng tín chỉ đào tạo toàn

⁴ www.unesco.org/delors/fourpil.htm

khóa, quy trình đào tạo, thang điểm đánh giá học phần, cấu trúc chương trình, nội dung tóm tắt từng học phần, kế hoạch dự kiến dạy các học phần trong mỗi học kì để sinh viên tiện đối chiếu, theo dõi, bám sát lập kế hoạch cho toàn khóa học và từng học kì trước khi xin ý kiến của cố vấn học tập. Chương trình chi tiết phải thể hiện được đầy đủ các nội dung của mỗi đề cương học phần bao gồm: tên học phần (tiếng Việt và tiếng Anh), mã học phần, điều kiện tiên quyết (các học phần phải tích lũy trước, các học phần phải học trước), chương trình đào tạo, ngành đào tạo, số tín chỉ, số tiết lý thuyết, thực hành, thảo luận, làm bài tập,... các thiết bị yêu cầu phục vụ cho học phần, tóm tắt nội dung, mục tiêu (kiến thức, kỹ năng và thái độ), nội dung chi tiết học phần về lý thuyết và thực hành (các chương và các đề mục lớn và con), kế hoạch dạy học từng buổi, từng tuần theo số tiết quy định, tài liệu và phương pháp học cho từng nội ở mỗi buổi, thời gian kiểm tra giữ học phần, giáo trình chính và các tài liệu cần tham khảo, thang điểm đánh giá học phần gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thực hành, thi giữa học phần,...) và đánh giá cuối học phần, cách đánh giá và hình thức đánh giá (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,...), thông tin về giảng viên xây dựng đề cương (họ và tên, học hàm học vị, đơn vị công tác, E-mail, điện thoại, các hướng nghiên cứu chính,...), chữ ký của giảng viên xây dựng đề cương, trưởng bộ môn và trưởng khoa. Đề cương chi tiết được xem là bản hợp đồng dạy học giữa giảng viên với tổ, khoa, trường. Thông qua đó, sinh viên biết được toàn bộ kế hoạch học tập của một học phần để chủ động hơn trong kế hoạch học tập.

Các trang thiết bị khác như phòng học phải đạt tiêu chuẩn cơ bản, cách âm tốt. Bàn ghế rời để có thể di chuyển và bố trí lại cho phù hợp với không gian của mỗi buổi học, để tạo được chỗ ngồi làm việc thuận tiện cho các nhóm. Số lượng tốt nhất khoảng từ 40 - 50 sinh viên/lớp để thầy - trò dễ dàng tương tác trong quá trình dạy - học. Lớp học nên có hệ thống âm thanh và máy chiếu đa phương tiện gắn cố định để thầy - trò áp dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp dạy - học đạt hiệu quả tốt hơn.

Hệ thống thư viện phải tương đối hiện đại, ít nhất phải có được các giáo trình chính và các tài liệu tham khảo khác, có phòng máy vi tính kết nối mạng để sinh viên có thể tra cứu trực tuyến cơ sở dữ liệu.

2.3. Phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ

Học đại học theo học chế tín chỉ chuyển từ hình thức học thụ động sang hình thức học chủ động có định hướng; từ thụ động ghi nhớ, lặp lại sang khám phá, tích hợp và trình bày; từ nghe, nhìn và đáp ứng sang trình bày và dám chịu trách nhiệm; từ kiến thức đơn thuần về sự kiện, thuật ngữ, nội dung sang hiểu rõ về quá trình; từ lý thuyết sang vận dụng lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống và từ phụ thuộc vào giảng viên sang chủ động tổ chức hoạt động nhóm.

Phương pháp dạy - học dùng trong đào tạo theo học chế tín chỉ phải khắc phục được tính thụ động, khơi dậy tính tò mò, kích thích sự hứng thú, say mê trong học tập; rèn luyện cho sinh viên năng lực hợp tác, có khả năng phối hợp hành động để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao; giúp sinh viên tiếp thu tốt kiến thức, mở rộng và sử dụng kiến thức có ý nghĩa; tự khẳng định được bản thân, rèn luyện được phương pháp tự học, tự nghiên cứu và phát triển tư duy sáng tạo.

Trước khi dạy bất kì học phần nào, giảng viên nên trao đổi với lớp trưởng xem sinh viên đã nhận được đề cương chi tiết học phần chưa. Nếu chưa thì giảng viên

gửi file đề cương cho lớp trưởng đề nghị chia sẻ trên E-mail, blog, facebook chung của lớp để mỗi sinh viên có thể tải về hoặc lớp trưởng phô tô phát cho mỗi sinh viên cần xem kỹ trước khi đến lớp.

Trong buổi học đầu tiên, giảng viên nên dành từ 1 - 2 tiết học để nói kỹ về các vấn đề có trong đề cương, cần nhấn mạnh nội dung, phương pháp tự học qua mỗi chương và các tài liệu bắt buộc phải có; nội quy của lớp học, chia nhóm, mỗi nhóm chọn ra một nhóm trưởng và thư kí để điều hành nhóm trong suốt học phần, công bố cách điểm danh để đánh giá điểm chuyên cần, cách tính điểm thưởng vào điểm đánh giá quá trình cho sinh viên tích cực tham gia vào các hoạt động và trả lời được các câu hỏi đặt ra của giảng viên, đồng thời có điểm phạt nếu cá nhân hoặc nhóm không thực hiện những nhiệm vụ mà giảng viên giao. Thông qua cách đánh giá này giúp các cá nhân và nhóm thi đua học tốt hơn, sôi nổi hơn.

Hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi sinh viên phải tự học và nghiên cứu ở nhà nhiều hơn. Vì thời gian dạy - học trên lớp ít hơn nhiều so với hình thức đào tạo theo niên chế nên giảng viên cần có bản hướng dẫn thật cụ thể và chi tiết hơn so với đề cương, phát trước cho sinh viên để sinh viên biết nội dung nào sẽ được học trên lớp, nội dung nào cần phải tự nghiên cứu và học ở nhà, những nội dung đó thì cần đọc tài liệu nào, trang nào, tài liệu đó tìm thấy ở đâu. Trên lớp, giảng viên chỉ tập trung dạy vào các vấn đề cốt lõi và trọng tâm của học phần.

Câu hỏi đặt ra là làm sao biết sinh viên có tự học và nghiên cứu những phần được giao ở nhà? Giảng viên có nhiều cách kiểm tra để biết được điều đó. Chẳng hạn, giảng viên có thể đặt ra một số câu hỏi vào đầu giờ hoặc cuối giờ có liên quan đến nội dung giao đọc ở nhà, gọi một số sinh viên hoặc nhóm trả lời. Nếu sinh viên không trả lời được thì nhắc nhở sinh viên phải tự giác học, có thể trừ vào điểm chuyên cần hoặc tính vào điểm phạt, nói trước để sinh viên biết những nội dung này sẽ có thể có trong đề thi cuối học phần để sinh viên tự giác hơn. Tuy nhiên, cần phải có hướng dẫn sinh viên tự học theo định hướng bằng hệ thống câu hỏi hoặc các tình huống đòi hỏi sinh viên phải giải quyết khi tự đọc và nghiên cứu, không phó thác toàn bộ cho sinh viên. Hướng dẫn phương pháp đọc sách và ghi chú lại sao có hiệu quả, biết đặt ra các vấn đề để tự suy ngẫm và tìm ra câu trả lời. Những vấn đề nào sinh viên không tự giải quyết được thì ghi chú lại để trao đổi với giảng viên qua các phương tiện hoặc trao đổi trực tiếp trên lớp ở buổi học tiếp theo. Có như thế mới kích thích được tính tự giác, chủ động tự học cho sinh viên.

Trên lớp học, giảng viên nên vận dụng nhiều phương pháp dạy học như: vấn đáp, trực quan, tình huống, nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, làm việc theo nhóm nhỏ, đóng vai - sắm kịch, thuyết trình (seminar), trò chơi (game show) thực hành - thí nghiệm, thuyết giảng,... hoặc các kỹ thuật dạy học như: động não (công não), tia chớp, thảo luận viết, thảo luận viết không công khai, sơ đồ tư duy, Phillips XYZ (kỹ thuật 635), chấu cá, ô bi, thông tin phản hồi, ba lần ba, khăn trải bàn, các mảnh ghép, biểu đồ KWL - KWLH, game show thi kiến thức trắc nghiệm giữa các đội để hình thành kiến thức mới và một số kỹ thuật dạy học khác để thay đổi cách “thưởng thức món ăn” cho sinh viên, tạo cho sinh viên hứng thú và tích cực làm việc hơn, không khí lớp học được thay đổi thường xuyên, không bị lặp lại phương pháp dạy - học một cách nhàm chán.

Nên tăng cường thời gian trao đổi, tranh luận và giải quyết những thắc mắc của sinh viên có liên quan đến nội dung bài học mà sinh viên đã tự nghiên cứu ở nhà. Nên hạn chế một cách tối đa thời gian ghi chép, vừa mất thời gian mà lại vô bổ. Những nội dung cần tóm lược, giảng viên nên phát cho sinh viên sau mỗi buổi học hoặc sau mỗi chương. Giảng viên không nên phát trước cho sinh viên để dẫn đến sinh viên ỷ lại, thụ động, không chịu động não suy nghĩ.

Những vấn đề hoặc câu hỏi mà giảng viên giao cho sinh viên về tự đọc và nghiên cứu ở nhà phải được giảng viên giải quyết dứt điểm vào buổi học tiếp theo trên lớp, tránh trường hợp giao mà không nhắc đến sẽ làm cho sinh viên chây lười hoặc mất niềm tin vào giảng viên. Những vấn đề gì một sinh viên nào đó đặt ra có thể là một đề tài để giảng viên giao ngược nhiệm vụ lại cho tất cả sinh viên trong lớp về nhà tự tìm hiểu để buổi học sau chia sẻ kết quả tìm được. Nếu không tìm được câu trả lời thì lúc này giảng viên mới giải đáp. Chính điều này sẽ giúp sinh viên khắc sâu vấn đề đó hơn là giảng viên giải đáp câu hỏi ngay tức thì. Tuy nhiên, điều này chỉ đúng đối với một số vấn đề học thuật. Những câu hỏi dễ hơn, có thể trả lời ngay thì giảng viên nên dành cho một số sinh viên giờ tay phát biểu để được điểm thưởng, sau đó giảng viên sẽ đúc kết lại câu trả lời cho ngắn gọn và chính xác.

Kết thúc mỗi buổi học nên dành một chút thời gian để củng cố lại nội dung bài học. Hình thức củng cố có thể là bằng sơ đồ tư duy (Mind Map) hoặc các câu hỏi trả lời ngắn, câu hỏi trắc nghiệm,... qua hoạt động trò chơi để tăng tính hấp dẫn và khắc sâu được kiến thức cho sinh đã thu lượm được trên lớp. Đồng thời, đặt ra một số câu hỏi hoặc vấn đề đòi hỏi sinh viên phải về nhà tự đọc và nghiên cứu trước bài mới cho buổi học tiếp theo.

Cuối học phần, giảng viên nên tổng kết lại toàn bộ nội dung trọng tâm của học phần để sinh viên thấy được toàn bộ bức tranh tổng quát. Giảng viên nên cho sinh viên hệ thống câu hỏi của từng chương, từng bài để giúp sinh viên định hướng và ôn tập có hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Hình thức dạy học theo học chế tín chỉ còn nhiều điều mới mẻ đối với giảng viên và sinh viên, trong quá trình thực hiện phát sinh nhiều khó khăn và vướng mắc đòi hỏi cần phải có sự giải quyết đồng bộ của những nhà quản lý, giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm cao của cả hệ thống, bằng sự tâm huyết với nghề, bằng sự ham học hỏi, nhất định mỗi giảng viên và sinh viên sẽ tìm ra được cách dạy - học hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù của mỗi học phần. Chúng ta có quyền hy vọng, trong tương lai không xa, hình thức dạy học này sẽ trở thành quy trình và mang lại hiệu quả cao trong công cuộc cải cách giáo dục đại học./.